



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-158

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm T4+H8
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,24	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	6,8	6,0-8,5
7.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
8.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG

Ch
Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

b
Ths. Vũ Thị Cúc

Ths. Đặng Thế Hưng
Ths. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-159

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm T4+H8+ NM Cty
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	<0,002	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,23	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	6,9	6,0-8,5
7.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
8.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt).

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

V

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-160

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm H1
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,24	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	6,8	6,0-8,5
7.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
8.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt).

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Các chỉ tiêu đánh dấu^(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Ch

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-161

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm H1
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,23	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	6,8	6,0-8,5
7.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
8.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt).

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Các chỉ tiêu đánh dấu^(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

V

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-162

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm D3 + Nà Tâm
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,25	0,2-1,0
2.	Độ đục (*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
3.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
4.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5.	pH (*)	TCVN 6492:2011	-	6,8	6,0-8,5
6.	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
7.	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Y

Ths. Vũ Thị Cúc



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-163

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm D3+ Nà Tâm
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	<0,002	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,23	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,0-8,5
7.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
8.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt).

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Các chỉ tiêu đánh dấu^(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

V

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-164

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm H9
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,22	0,2-1,0
2.	Độ đục (*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
3.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
4.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5.	pH (*)	TCVN 6492:2011	-	6,8	6,0-8,5
6.	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
7.	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt).

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Chu

V

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Ths. Vũ Thị Cúc



TSC Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-165

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn H9
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,23	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	6,8	6,0-8,5
7.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
8.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt).

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Các chỉ tiêu đánh dấu^(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

V

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-166

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm T1+CL
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,24	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	6,8	6,0-8,5
7.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
8.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt).

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ch

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

V

Ths. Vũ Thị Cúc



Ths. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-167

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm T1+CL
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,25	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	6,8	6,0-8,5
7.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
8.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu^(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

V

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-168

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm H10
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,26	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,0-8,5
7.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
8.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu^(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Chu

V

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Ths. Vũ Thị Cúc



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-169

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm H10 + H12
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,37	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	6,8	6,0-8,5
7.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
8.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

V

Ths. Vũ Thị Cúc



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-170

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm Nước mặt Cty
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,35	0,2-1,0
2.	Độ đục (*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
3.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
4.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5.	pH (*)	TCVN 6492:2011	-	6,8	6,0-8,5
6.	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
7.	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

V

Ths. Vũ Thị Cúc



KS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-171

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm D2
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,35	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	6,8	6,0-8,5
7.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
8.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Chu

Y

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Ths. Vũ Thị Cúc



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-172

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm D2
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,37	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	6,8	6,0-8,5
7.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
8.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt).

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Các chỉ tiêu đánh dấu^(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

V

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-173

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm H3
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,37	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,0-8,5
7.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
8.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

V

Ths. Vũ Thị Cúc



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-174

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Trung tâm-Lộc Bình ĐN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu Nhà Thờ, thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,37	0,2-1,0
2.	Độ đục (*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
3.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
4.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5.	pH (*)	TCVN 6492:2011	-	6,8	6,0-8,5
6.	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
7.	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Ths. Vũ Thị Cúc



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-175

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Trung tâm-Lộc Bình CN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu Nhà Thờ, thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,35	0,2-1,0
2.	Độ đục (*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
3.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
4.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5.	pH (*)	TCVN 6492:2011	-	6,8	6,0-8,5
6.	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
7.	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt).

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

V

Ths. Vũ Thị Cúc



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản; 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No. 1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-176

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Na Dương-Lộc Bình ĐN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu Nhà Thờ, thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,42	0,2-1,0
2.	Độ đục (*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
3.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
4.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5.	pH (*)	TCVN 6492:2011	-	6,9	6,0-8,5
6.	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
7.	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Y

Ths. Vũ Thị Cúc



Ts. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-177

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước hồ chứa - Na Dương-Lộc Bình CN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu Nhà Thờ, thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,4	0,2-1,0
2.	Độ đục (*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
3.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
4.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5.	pH (*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,0-8,5
6.	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
7.	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

V

Ths. Vũ Thị Cúc



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-178

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Chi Ma-Lộc Bình ĐN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu Nhà Thờ, thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,37	0,2-1,0
2.	Độ đục (*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
3.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
4.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5.	pH (*)	TCVN 6492:2011	-	6,9	6,0-8,5
6.	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
7.	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt).

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

V

Ths. Vũ Thị Cúc



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-179

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Chi Ma-Lộc Bình CN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu Nhà Thờ, thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,36	0,2-1,0
2.	Độ đục (*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
3.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
4.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5.	pH (*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,0-8,5
6.	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
7.	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

V

Ths. Vũ Thị Cúc



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-180

- Tên mẫu/ Name of sample: MẪU nước sinh hoạt - TT. Đình Lập ĐN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước huyện Đình Lập - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu III, thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: MẪU đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,45	0,2-1,0
2.	Độ đục (*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
3.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
4.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5.	pH (*)	TCVN 6492:2011	-	6,8	6,0-8,5
6.	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
7.	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt).

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

V

Ths. Vũ Thị Cúc



Hung

Ths. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-181

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - TT. Đình Lập CN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước huyện Đình Lập - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu III, thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,41	0,2-1,0
2.	Độ đục (*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
3.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
4.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5.	pH (*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,0-8,5
6.	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
7.	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

V

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



Dũng

Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-182

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Nông Trường-Đình Lập DN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước huyện Đình Lập - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu III, thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,38	0,2-1,0
2.	Độ đục (*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
3.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
4.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5.	pH (*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,0-8,5
6.	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
7.	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt).

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

V

Ths. Vũ Thị Cúc



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-183

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Nông Trường-Đình Lập CN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước huyện Đình Lập - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu III, thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,37	0,2-1,0
2.	Độ đục (*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
3.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
4.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5.	pH (*)	TCVN 6492:2011	-	6,9	6,0-8,5
6.	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
7.	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

V

Ths. Vũ Thị Cúc



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-184

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Tràng Định ĐN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Tràng Định - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 34, khu III, thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,41	0,2-1,0
2.	Độ đục (*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
3.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
4.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5.	pH (*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,0-8,5
6.	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
7.	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

V

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



Ths. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-185

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Trảng Định CN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Trảng Định - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 34, khu III, thị trấn Thất Khê, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,37	0,2-1,0
2.	Độ đục (*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
3.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
4.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5.	pH (*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,0-8,5
6.	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
7.	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt).

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

V

Ths. Vũ Thị Cúc



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-186

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - TT.Hữu Lũng DN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Hữu Lũng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 126, đường Bắc Sơn, thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,40	0,2-1,0
2.	Độ đục (*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
3.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
4.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5.	pH (*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,0-8,5
6.	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
7.	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Chu

V

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Ths. Vũ Thị Cúc



Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-187

- Tên mẫu/ Name of sample: MẪU nước sinh hoạt - TT.Hữu Lũng CN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Hữu Lũng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 126, đường Bắc Sơn, thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: MẪU đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,38	0,2-1,0
2.	Độ đục (*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
3.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
4.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5.	pH (*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,0-8,5
6.	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
7.	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt).

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

V

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-188

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Vân Nham-Hữu Lũng DN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Hữu Lũng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 126, đường Bắc Sơn, thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,4	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	6,8	6,0-8,5
7.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
8.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),
KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,
LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,
Các chỉ tiêu đánh dấu^(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

V

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-189

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Vân Nham-Hữu Lũng CN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Hữu Lũng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 126, đường Bắc Sơn, thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,37	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,0-8,5
7.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
8.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Chữ ký

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Chữ ký

Ths. Vũ Thị Cúc



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-190

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - LK2-LK5 -Than Muội ĐN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Chi Lăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu Thống Nhất 1, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,39	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	6,9	6,0-8,5
7.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
8.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt).

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

V

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-191

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - LK2-LK5 -Than Muội CN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Chi Lăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu Thống Nhất 1, thị trấn Đồng Mô, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,34	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,0-8,5
7.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
8.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu^(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Ths. Vũ Thị Cúc



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-192

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Mỏ Sục-Chi Lăng DN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Chi Lăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu Thống Nhất 1, thị trấn Đồng Mô, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,38	0,2-1,0
2.	Độ đục (*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
3.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
4.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5.	pH (*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,0-8,5
6.	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
7.	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Chu

V

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Ths. Vũ Thị Cúc



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-193

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Mỏ Sục-Chi Lăng CN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Chi Lăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu Thống Nhất 1, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,35	0,2-1,0
2.	Độ đục (*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
3.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
4.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5.	pH (*)	TCVN 6492:2011	-	6,8	6,0-8,5
6.	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
7.	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Chữ ký

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Chữ ký

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG

FS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-194

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Pó Sáng-Bắc Sơn ĐN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Bắc Sơn - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: thôn Tiên Đáo 1, xã Long Đồng, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,42	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,0-8,5
7.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
8.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Chu

V

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Ths. Vũ Thị Cúc



Đặng Thế Hưng
TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-195

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Pó Sáng-Bắc Sơn CN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Bắc Sơn - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: thôn Tiên Đáo 1, xã Long Đống, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,36	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	6,8	6,0-8,5
7.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
8.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu^(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Chữ ký

Chữ ký

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Ths. Vũ Thị Cúc



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-196

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - SVD-Bắc Sơn ĐN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Bắc Sơn - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: thôn Tiên Đáo 1, xã Long Đống, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,38	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	6,9	6,0-8,5
7.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
8.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt).

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Các chỉ tiêu đánh dấu^(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Chữ ký

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Chữ ký

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



Chữ ký
TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-197

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - SVĐ-Bắc Sơn CN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Bắc Sơn - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: thôn Tiên Đáo 1, xã Long Đống, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,35	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,0-8,5
7.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
8.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

V

Ths. Vũ Thị Cúc



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-198

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Na Sâm-Văn Lãng ĐN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Văn Lãng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu I, thị trấn Na Sâm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,45	0,2-1,0
2.	Độ đục (*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
3.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
4.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5.	pH (*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,0-8,5
6.	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
7.	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Chu

V

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Ths. Vũ Thị Cúc



TS: Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-199

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Na Sầm-Văn Lãng CN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Văn Lãng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu I, thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,42	0,2-1,0
2.	Độ đục (*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
3.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
4.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5.	pH (*)	TCVN 6492:2011	-	6,9	6,0-8,5
6.	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
7.	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Y

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
TRUNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
Đặng Thế Hưng
Ths. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-200

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Bình Gia ĐN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Bình Gia - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu 6A, thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,39	0,2-1,0
2.	Độ đục (*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
3.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
4.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5.	pH (*)	TCVN 6492:2011	-	6,8	6,0-8,5
6.	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
7.	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt).

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Chữ ký

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Chữ ký

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No. 1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-201

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Bình Gia CN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Bình Gia - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu 6A, thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,37	0,2-1,0
2.	Độ đục (*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
3.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
4.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5.	pH (*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,0-8,5
6.	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
7.	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

V

Ths. Vũ Thị Cúc



Đặng Thế Hưng

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-202

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt trạm cấp nước Tân Thanh DN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: số 8, ngõ 1, khu Lò Rèn, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,45	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	6,9	6,0-8,5
7.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
8.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt).

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Các chỉ tiêu đánh dấu^(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Chữ ký

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-203

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt trạm cấp nước Tân Thanh CN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: số 8, ngõ 1, khu Lò Rèn, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,42	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	6,9	6,0-8,5
7.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
8.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu^(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Chữ ký

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Chữ ký

Ths. Vũ Thị Cúc



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-204

- Tên mẫu/ Name of sample: Đầu nguồn trạm bơm LK1+ LK2
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: số 8, ngõ 1, khu Lò Rèn, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: MẪU đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,43	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,0-8,5
7.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
8.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu^(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-205

- Tên mẫu/ Name of sample: Cuối nguồn trạm bơm LK1+ LK2
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: số 8, ngõ 1, khu Lò Rèn, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,42	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	6,9	6,0-8,5
7.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
8.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt).

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Các chỉ tiêu đánh dấu^(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG

Quản lý kỹ thuật

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

V

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-206

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Tân Mỹ-Đồng Đăng ĐN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: số 8, ngõ 1, khu Lò Rèn, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,42	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,0-8,5
7.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
8.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu^(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Chữ ký

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Chữ ký

Ths. Vũ Thị Cúc



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.18-207

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Tân Mỹ-Đông Đăng CN
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh cấp nước Đông Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: số 8, ngõ 1, khu Lò Rèn, thị trấn Đông Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/01/2024 - 25/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,37	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,0-8,5
7.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
8.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu^(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Vũ Thị Cúc

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.